

# MỐI QUAN HỆ CỦA NGƯỜI LÀO Ở MƯỜNG VÀ, MƯỜNG LẠN THUỘC HUYỆN SỚP CỘP, TỈNH SON LA VỚI CÁC TỘC NGƯỜI Ở TÂY BẮC VIỆT NAM VÀ CÁC TỈNH BẮC LÀO

*ThS. Trần Thị Phương  
PGS.TS. Phạm Văn Lực  
Đại học Tây Bắc*

## **Đặt vấn đề**

Người Lào ở Tây Bắc (Sơn La, Điện Biên, Lai Châu) với một số lượng rất ít, theo số liệu điều tra 12-2015 có khoảng trên 6.500 nhân khẩu, nhưng lại chủ yếu tập trung sinh sống ở hai xã Mường Và, Mường Lạn của huyện Sốp Cộp tỉnh Sơn La (chiếm 3.287 nhân khẩu). Trong lịch sử cũng như hiện nay, người Lào ở Mường Và, Mường Lạn (Sốp Cộp – Sơn La) có mối quan hệ đa dạng nhiều mặt cả về kinh tế, văn hoá xã hội... với các tộc người ở Tây Bắc (Việt Nam) và các tộc người ở bên kia biên giới (nước Lào). Chính sự đa dạng trong quan hệ của người Lào ở Mường Và, Mường Lạn đã đặt ra nhiều vấn đề phức tạp ở vùng biên giới hai nước Việt Nam – Lào nói chung, vấn đề tộc người, quản lý nhân khẩu và di cư tự do... nói riêng. Giải quyết vấn đề này không chỉ thuộc phạm vi liên đới của hai địa phương vùng biên giới huyện Sốp Cộp (Sơn La – Việt Nam) với tỉnh Hòa Phăn (Lào) mà còn là vấn đề bức thiết của hai quốc gia Việt Nam – Lào hiện nay. Trong phạm vi của bài viết, chúng tôi xin đề cập đến vấn đề này cụ thể như sau:

## **1. Vài nét về nguồn gốc lịch sử và địa bàn cư trú**

### ***1.1. Nguồn gốc lịch sử***

Từ đầu Công nguyên, người Lào đã có mặt sinh sống ở hai bên bờ sông Mê Kông từ Myanmar đến Lào và Tây Bắc Việt Nam, nhưng ban đầu còn rất thưa thớt, chỉ là những điểm tụ cư sống đan xen với các cư dân bản địa thuộc nhóm Nam Á. Trong thời gian từ thế kỷ IX đến XIII, vì nhiều lý do khác nhau, từ miền Nam Trung Quốc, nhóm cư dân Tày - Thái đã men theo sông Mê Kông và Sông Hồng (tiếng Thái gọi là Nặm Tao) tìm đường thiên di xuống phía Nam. Sự có mặt của các nhóm cư dân Tày - Thái (gồm có người Tày, Thái, Lự, Lào,...) mới thiên di đến đã góp phần bổ sung thêm, làm cho các điểm tụ cư của các nhóm Lào Thái trong vùng trở nên đông đúc hơn.

Sự xuất hiện của các nhóm cư dân Tày - Thái mới thiên di đến đã tạo ra những cuộc tranh chấp quyết liệt, kéo dài về đất đai với cư dân bản địa; kết quả, nhóm cư dân Tày - Thái đã thắng thế và dồn đẩy các cư dân bản địa Nam Á lên vùng núi cao, hoặc vào các vùng sâu, vùng xa. Nhờ có trình độ phát triển cao hơn, nhóm cư dân Tày -

Thái đã nhanh chóng giành lấy những mảnh đất bằng phẳng, màu mỡ, phì nhiêu trong vùng, ổn định cuộc sống, phát triển sản xuất đưa đến những biến đổi quan trọng về mặt kinh tế xã hội. Các tiểu quốc được thống nhất, năm 1353 nhà nước Lan Xang được thành lập - đánh dấu bước phát triển mới của các bộ tộc Lào.

Thế nhưng, thời kỳ này giữa Lan Xang và Đại Việt chưa có đường biên giới như hiện nay, mà chỉ là vùng biên giới; cư dân vẫn thường dựa vào tập tục truyền thống, lấy ngọn núi, hoặc dựa vào các con sông, khe suối để phân biệt ranh giới hai nước... Đặc điểm này trực tiếp tác động đến đời sống sản xuất, sinh hoạt của các tộc người ở vùng biên giới hai nước Việt Nam - Lào. Nhiều người Lào ở Loóng Sập (thuộc huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La), Chiềng Khương (thuộc huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La), Mường Và, Mường Lạn (thuộc huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La), Mường Lói (thuộc huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên), Mường Tè (thuộc huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu) vẫn thường làm nương chung một quả đồi, uống nước cùng một mó (mỏ nước), có nhiều tập tục văn hóa giống nhau. Cho đến sau 1954, đường biên giới quốc gia giữa hai nước mới từng bước được ổn định, cư dân Lào ở vùng biên giới mới thực sự ý thức được mình thuộc hai quốc gia khác nhau.

Có thể nói, cùng là cư dân nói tiếng Thái từ miền Nam Trung Quốc thiên di xuống phía Nam, nhưng do không cùng một tộc người, lại thiên di thành nhiều đợt kéo dài và sinh sống trên những địa bàn khác nhau, nên người Lào ở Mường Và, Mường Lạn (Sốp Cộp - Sơn La) có những điểm khác so với các nhóm Lào Thái về ngôn ngữ, chữ viết và văn hóa ở bên kia biên giới và các tộc người khác ở trong vùng.

## ***1.2. Về địa bàn sinh sống***

Người Lào ở Mường Và, Mường Lạn thuộc huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La có số lượng không nhiều. Theo số liệu thống kê của Ban Dân tộc tỉnh Sơn La, tính đến tháng 12/2015, người Lào sinh sống tập trung đông nhất ở hai xã Mường Lạn và Mường Và của huyện Sốp Cộp, với 3.287/3.380 nhân khẩu, chiếm 97,248% tổng số nhân khẩu trong toàn tỉnh; 87,223% (3.380/3.875) tổng số nhân khẩu người Lào ở Tây Bắc<sup>1</sup>.

Theo số liệu thống kê nhân khẩu của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Sốp Cộp và UBND các xã Mường Và, Mường Lạn tháng 12/2015, người Lào sinh sống ở đây chủ yếu thuộc nhánh Lào Lùm (sinh sống ở vùng thấp) với tổng số nhân khẩu có 3.287 người. Tùy theo địa bàn nơi cư trú, có nơi họ sống thành bản độc lập như: bản Mường Và, bản Nà Vàn, bản Nà Khoang (xã Mường Và); hoặc bản Nà Khi, bản Nà Vạc (xã Mường Lạn); có nơi lại sống đan xen với người Thái như bản Phiêng Ban, Bản Cống (xã Mường Lạn),...

---

<sup>1</sup> Số liệu điều tra thực tế tại huyện Sốp Cộp tháng 12 năm 2015

Tình hình phân bố địa bàn sinh sống của người Lào ở hai xã Mường Và, Mường Lạn (huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La) được thể hiện trong bảng dưới đây<sup>2</sup>

**Bảng 01: Người Lào ở xã Mường Và**

STT	Tên bản	Số hộ	Nhân khẩu
1	Bản Mường Và	216	1.126
2	Bản Nà Vén	49	270
3	Bản Na Khoang	85	442
	<b>Cộng</b>	<b>350</b>	<b>1.838</b>

**Bảng 02: Người Lào ở xã Mường Lạn**

STT	Tên bản	Số hộ	Nhân khẩu
1	Bản Nà Khi	104	567
2	Bản Nà Vạc	41	226
	<b>Cộng</b>	<b>145</b>	<b>793</b>

**Bảng 03: Người Lào sinh sống đan xen với người Thái tại một số bản ở xã Mường Lạn - Huyện Sốp Cộp**

STT	Tên bản	Số hộ	Nhân khẩu
1	Bản Phiêng Ban	84	201
2	Bản Cống	82	114
	<b>Cộng</b>	<b>166</b>	<b>315</b>

Ngoài các xã, bản trên, tại Sơn La, người Lào còn sinh sống đan xen với người Thái, người Mường... ở một số bản của huyện Sông Mã, Mộc Châu, Yên Châu, thành phố Sơn La nhưng số nhân khẩu không đáng kể; đặc biệt nhiều trường hợp do hòa huyết với dân tộc Thái nên dần dần đã tự coi mình là người Thái<sup>3</sup>.

## **2. Mối quan hệ giữa người Lào ở Mường Và, Mường Lạn (huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La) với các tộc người khác trong vùng Tây Bắc**

Người Lào ở Mường Và, Mường Lạn (huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La) có mối quan hệ mật thiết với các tộc người khác ở Tây Bắc, đặc biệt là tộc người Thái.

### ***Về kinh tế***

<sup>2</sup> Số liệu thống kê của Ban Dân tộc huyện Sốp Cộp cung cấp, tháng 12 năm 2015.

<sup>3</sup> Tài liệu điền dã tại các huyện Sông Mã, Mai Sơn, Yên Châu tỉnh Sơn La tháng 12 năm 2017

Người Lào ở Mường Và, Mường Lạn (huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La) có nhiều nét tương đồng về kinh tế với người Thái ở Tây Bắc. Trong bản của người Lào, tình hình ruộng đất không có gì khác so với các bản người Thái; tất cả đều là ruộng công, do các chầu mường cai quản, điều phối. Về phương thức sản xuất, người Lào và người Thái đều có chung một phương thức sản xuất truyền thống, đó là: “*Đao canh hóa chũng và đao canh thủy nậu*”; lịch thời vụ gieo trồng tính theo lịch của người Thái; cây trồng, vật nuôi và kinh nghiệm sản xuất được đúc rút từ thực tế. Trong công tác thủy lợi, hệ thống *mương, phai, lái, lín* và guồng nước của người Thái Tây Bắc được dùng chung cho cả người Lào (phương thức dẫn thủy nhập điền này cũng được dùng chung cho các dân tộc khác trong vùng Tây Bắc); vì vậy, cư dân Lào, Thái rất chủ động trong canh tác ruộng nước (cả luân canh và xen canh)...

Về đặc trưng kinh tế, cuộc sống của người Lào và người Thái Tây Bắc đều chủ yếu dựa vào hai ngành sản xuất chính: trồng trọt và chăn nuôi; ngoài ra, cuộc sống của họ còn dựa vào khai thác lâm sản ở trong rừng và đánh bắt cá ở ven các sông, suối... câu ngạn ngữ của đồng bào Thái: “*Com nước ở mặt đất; Thức ăn ở trong rừng*” đúng cả đối với dân tộc Lào.

### ***Về mặt tổ chức xã hội***

Người Lào ở Mường Và, Mường Lạn (Sốp Cộp-Sơn La) thường quần tụ sinh sống theo bản, mỗi bản có từ 20-30 gia đình. Tuy nhiên, cũng có những vùng trù phú như: bản Mường Và, bản Nà Vén, bản Na Khoang (Mường Và - Sốp Cộp) dân cư quần tụ đông đúc 50-60 gia đình một bản; thậm chí đông đến hàng trăm hộ. Trong bản của người Thái, người Lào, theo quy định truyền thống người cao tuổi có uy tín được suy tôn làm trưởng bản. Trưởng bản là người có nhiệm vụ bao quát mọi việc, từ làm ăn, duy trì luật tục, bảo vệ đất đai, nguồn nước cho đến các lễ nghi, tôn giáo.

Gia đình của người Thái và người Lào là gia đình phụ hệ, người đàn ông giữ vai trò quan trọng trong gia đình song một số tàn dư của chế độ mẫu hệ như tục ở rể vẫn được bảo lưu. Con trai người Thái, người Lào thường phải ở rể bên nhà vợ từ 3-5 năm, sau đó mới được phép làm lễ đón dâu chính thức về nhà mình. Đặc biệt trong ngôi nhà của người Thái, người Lào có thể có nhiều thế hệ cùng chung sống, nhưng duy nhất chỉ có một bếp lửa. Điều này hoàn toàn khác với phong tục của một số dân tộc ở Tây Nguyên như người Ba Na, Gia-rai, Brâu... trong một mái nhà của họ cũng có nhiều thế hệ cùng chung sống nhưng do được ăn riêng nên chia ra thành nhiều bếp lửa.

### ***Về văn hóa***

Trong quá trình hòa huyết, sinh sống, người Lào và người Thái ở Sơn La đã sáng tạo ra nền văn hóa, văn nghệ dân gian đa dạng, phong phú, đậm đà sắc thái của tộc người mình.

*Về mặt văn hóa vật chất:* Là những cư dân sinh sống lâu đời ở Sơn La, người Lào, người Thái đều có chữ viết riêng và sáng tạo ra một nền văn hóa vật chất hết sức đa dạng, độc đáo. Đúng như người Thái đã nói:

“*Ăn cơm nếp, uống rượu cần*

*Ở nhà sàn, mặc “xira côm”*”<sup>4</sup>

Một trong những sản phẩm độc đáo của nền văn hóa vật chất của người Lào, người Thái ở Sơn La là hình ảnh của ngôi nhà sàn được dựng lên trên cơ sở sự phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa hài hòa với môi trường thiên nhiên. Ngoài hình ảnh ngôi nhà sàn, các cô gái Lào, Thái còn gắn liền với hình ảnh của những khung dệt thổ cẩm, những chiếc khăn Piêu, đan lát mây tre... đó là sản phẩm của sự cần mẫn, chăm chỉ, đòi hỏi sự khéo léo tỉ mỉ của họ.

Trong sinh hoạt văn hóa nghệ thuật, chúng ta không thể không nói tới “*Xến Mo*”, “*Khắp một lao*”, “*Khắp sư*” (Hát tự sự, Hát sử thi) và đặc biệt là hình thức hát hội “*Hạn Khuống*” của những thanh niên nam, nữ dân tộc Thái, và có sự tham gia tích cực của các thanh niên nam, nữ dân tộc Lào. Trong đời sống sản xuất, *khắp* (hát) đối với người Thái, người Lào là không thể thiếu được. Những bài ca, câu hát được cất lên vào bất cứ khi nào, giờ nào, họ hát khi họ đi làm nương, hát khi đi chăn dê, hát khi ru con ngủ, hát khi đôi trai gái tìm hiểu nhau... Qua câu hát người ta không chỉ thưởng thức nghệ thuật mà còn gửi gắm tâm tư, tình cảm của mình vào đó.

Cùng với những giá trị văn hóa độc đáo trong đời sống sinh hoạt, người Lào, Thái còn có nhiều phong tục tập quán tốt đẹp như: Lễ mừng thọ, lễ mừng cơm mới, lễ mừng nhà mới, hội ném còn, hội “*Hạn Khuống*”... Bên cạnh đó, những tập tục như ma chay, cưới xin, cúng bản, cúng Mường... lại mang một sắc thái riêng nhưng tựu chung lại đều thể hiện sự phong phú của đời sống tình cảm, nếp tư duy của cộng đồng dân tộc đã phát triển đạt đến trình độ cao chứ không phải là “*cách tư duy mờ mịt kiểu tôn giáo*”. Đặc biệt với hình thức hát “*Hạn Khuống*” là một kiệt tác đặc sắc góp thêm vào sự khởi sắc, đa dạng phong phú của văn hóa, văn minh Đại Việt<sup>5</sup>.

---

<sup>4</sup> Cẩm Quỳnh, Vương Chung, Lò Bình Minh (1994), “*Giáo trình văn học dân gian Thái*”, Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc ấn hành, tr.27.

<sup>5</sup> Cẩm Quỳnh, Vương Chung, Lò Bình Minh (1994), “*Giáo trình văn học dân gian Thái*”, Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc ấn hành, tr.31.

Nhìn chung, người Lào và người Thái ở Sơn La có nhiều nét tương đồng về ngôn ngữ, chữ viết, phong tục tập quán... Nhiều tập tục như ma chay, cưới xin và các hoạt động văn hóa dân gian đã trở thành sinh hoạt chung của hai tộc người này.

### **3. Mối quan hệ giữa người Lào vùng Mường Và, Mường Lạn (huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La) với các tộc người khác ở Bắc Lào**

Trong lịch sử cũng như hiện nay, người Lào ở Mường Và, Mường Lạn (huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La) và các tộc người ở Bắc Lào có mối quan hệ mật thiết với nhau, thể hiện trên các lĩnh vực sau:

#### **3.1. Trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm**

Người Lào ở Mường Và, Mường Lạn (huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La) và tộc người Lào ở vùng Mường Phồn, Mường Ét, Sốp Ét, Mường Sơn (tỉnh Hủa Phăn của Lào), cùng một số tộc người ở vùng Xiềng Đông, Xiềng Thông (tỉnh Luôngpharabang, Lào) đã tích cực ủng hộ và tham gia cuộc khởi nghĩa của Hoàng Công Chất khi nghĩa quân kéo quân vào đất Mường Thanh (1754). Được sự ủng hộ của các chúa Thái ở Tây Bắc và người Lào hai nước, nghĩa quân của Hoàng Công Chất đã bao vây thành Tam Vạn (Sam Mứn - Mường Thanh); sau nhiều lần công phá, nghĩa quân đã tiêu diệt được giặc Pẻ, giải phóng Tây Bắc. Sau đó Hoàng Công Chất cho xây thành Bản Phủ - biến nơi đây thành trung tâm chính trị, kinh tế văn hóa ở Tây Bắc thời kỳ này.<sup>6</sup>

Trong cuộc khởi nghĩa Pa Chay (1918-1922), nhiều người Lào thuộc tộc Lào Sùng ở Mường Sơn (tỉnh Hủa Phăn, Lào), Xiềng Đông, Xiềng Thông (tỉnh Luôngpharabang, Lào), Mường U (tỉnh Phongsaly, Lào) và người Lào (cũng thuộc tộc Lào Sùng) ở Mường Và, Mường Lạn... đã tích cực tham gia đội quân khởi nghĩa của Pa Chay, đấu tranh chống chính quyền đô hộ của thực dân, phong kiến “*đòi quyền tự chủ của người Hmông*”. Cuộc khởi nghĩa diễn ra trên quy mô rộng lớn khắp vùng Tây Bắc (Việt Nam) và Thượng Lào, thu hút được hầu hết người Hmông và Lào Sùng ở vùng biên giới hai nước Việt Nam - Lào tham gia, gây cho địch nhiều thiệt hại... Tuy nhiên, cuộc khởi nghĩa vẫn không giành được thắng lợi, bị đế quốc Pháp đàn áp, khủng bố và tan rã vào năm 1922. Mặc dù thất bại song khởi nghĩa Pa Chay đã góp phần củng cố thêm mối quan hệ đặc biệt, cùng chiến đấu chống thực dân Pháp của hai dân tộc Việt Nam - Lào.

Truyền thống đó đã được người Lào ở vùng Loóng Sập, Chiền Khừa (huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La) và người Lào ở các tỉnh Bắc Lào kế thừa phát triển, tích cực ủng hộ phong trào Tây Tiến (11/1947), thành lập các Ban Xung phong Tây Bắc

---

<sup>6</sup> Phạm Văn Lực (2016), Hoàng Công Chất với việc xây dựng khối đoàn kết giữa các dân tộc ở Tây Bắc (1751-1969), *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Tây Bắc, số 7, tr.25.

(1947); kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) và đặc biệt là trong cuộc đấu tranh chống lại các thế lực đế quốc, tay sai phản động để xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị và hợp tác của hai nước Việt Nam - Lào hiện nay.

### **3.2. Trong hoạt động trao đổi buôn bán**

Trong quan hệ làm ăn buôn bán, người Lào ở vùng Chiềng Khương (Sông Mã - Sơn La) thường trao đổi với các tộc người Lào ở châu Mường É, Sốp É thuộc tỉnh Hòa Phăn của Lào. Sản phẩm hàng hóa, họ (người Lào ở Chiềng Khương, huyện Sông Mã) thường mang sang Lào là lúa gạo, nông sản và một số mặt hàng thủ công của vùng Chiềng Khương; đổi lại khi về họ thường mang các mặt hàng vải thổ cẩm, sợi thô, quần áo, rượu, chè, hương liệu làm thuốc; cũng có đợt người Lào Việt Nam còn đổi được cả mật gấu, xương thú quý (gấu, hổ, khỉ...) để làm thuốc.

Cũng giống như người Lào ở Chiềng Khương (huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La), người Lào ở Mường Và, Mường Lạn (huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La), Mường Lói (Điện Biên) cũng thường sang châu Mường Sơn (thuộc tỉnh Hòa Phăn, Lào) để làm nương rẫy và chăn thả gia súc, mua bán trao đổi hàng hóa. Ở vùng này, họ cũng thường mang gạo, sợi thô, muối và các mặt hàng thuộc đặc sản của vùng Mường Thanh (Điện Biên) sang đổi lấy trâu, bò, thú quý, hương liệu, ngô và một số mặt hàng dệt thổ cẩm... Trước 1945, hoạt động trao đổi hàng hoá giữa người Lào ở Tây Bắc (Việt Nam) nói chung, vùng Mường Và, Mường Lạn nói riêng với các tộc người Lào bên kia biên giới chưa phải là hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá - tiền tệ, mà chủ yếu vẫn là trao đổi theo phương thức truyền thống ngang giá “vật đổi vật”. Trong cuốn *Điện Biên trong lịch sử* của GS. Đinh Xuân Lâm có viết: “*Trong các thế kỷ từ IX đến XVIII, một số người Lào ở Mường Lạn, Mường Và (Sốp Cộp) thường mang gạo, muối và các hàng sợi thô sang tận Luôngpharabang, Phongsaly (Lào) đổi lấy trâu, bò, thú quý và hương liệu, thổ cẩm về bổ sung cho đời sống sinh hoạt của mình. Ngược lại, các nhóm người Lào ở vùng Luôngpharabang, Phongsaly (thậm chí đôi khi còn có cả những nhóm Lào Thái ở Myanma) cũng thường hay mang ngà voi, sừng tê giác, hổ phách sang trao đổi lấy những thứ họ cần*”.<sup>7</sup>

Hiện nay, qua khảo sát các khu chợ ở vùng biên giới thuộc các tỉnh Luôngpharabang, Phongsaly, Hòa Phăn, nhất là ở Mường É, Sốp É thuộc tỉnh Hòa Phăn của Lào tiếp giáp với vùng Chiềng Khương (huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La; vùng Mường Sơn thuộc tỉnh Hòa Phăn của Lào tiếp giáp với Mường Và, Mường Lạn (huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La), Mường Luông tiếp giáp với vùng Loóng Sập (huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La); Mường Mai thuộc Luôngpharabang của Lào tiếp giáp với vùng Mường Lói, Tây Trang (tỉnh Điện Biên)... có đến hơn 40% cửa hàng tạp hóa buôn bán

---

<sup>7</sup> Đặng Nghiêm Vạn, Đinh Xuân Lâm (1975), *Điện Biên trong lịch sử*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.47.

là của người Việt Nam, trong số đó có nhiều người là dân tộc Lào ở Tây Bắc (Việt Nam) cũng sang mở cửa hàng buôn bán. Các loại hàng hóa họ mang sang bên Lào chủ yếu là: gạo, mì tôm, hàng may mặc... bán lấy lãi hoặc cũng có khi đổi lấy ngô và các vật dụng cần thiết mà bên Việt Nam ít có. Riêng mặt hàng công nghiệp như máy phát điện, máy bơm nước thì hầu hết người Lào ở Tây Bắc (Việt Nam) vùng giáp biên giới đều mua từ Lào.<sup>8</sup>

### ***3.3. Về giao lưu văn hóa, xã hội***

Người Lào vùng Mường Và, Mường Lạn (huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La) và các tộc người Lào ở Hòa Phấn, Luôngpharabang, Phongsaly có chung nhiều tập tục văn hóa như: Luật tục về bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước và giữ gìn vệ sinh bản, mừng... Về mặt lễ, tết, người Lào ở vùng Mường Và, Mường Lạn nói riêng, Sơn La nói chung, hiện nay vẫn có 2 tết chính: Tết cổ truyền (Tết té nước vào tháng 4) và tết Độc Lập (ngày 2 tháng 9); hàng năm cứ vào dịp lễ, tết, người Lào ở vùng biên giới hai nước Việt Nam - Lào lại cùng qua lại vui Tết và ăn Tết cổ truyền. Đặc biệt, hiện nay vẫn còn tình trạng con trai, con gái các tộc người Lào ở Mường Khương, Mường Và, Mường Lạn, Mường Lói (Tây Bắc) sang lấy vợ, hoặc lấy chồng ở bên kia biên giới; và ngược lại, cũng có một số người Lào ở Bắc Lào cũng sang lấy vợ hoặc chồng ở Tây Bắc như trong cùng một quốc gia dân tộc; thậm chí, có nơi người chết vẫn được chôn cùng một nghĩa địa.

Tất cả những tập tục văn hóa đó cho thấy mối quan hệ mật thiết, gắn bó lâu đời về mọi mặt giữa các tộc người Lào ở vùng Mường Và, Mường Lạn (huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La) với các tỉnh Bắc Lào; thế nhưng, sự không rõ ràng đó cũng gây không ít khó khăn cho việc quản lý nhân khẩu, biên giới quốc gia giữa hai nước Việt Nam và Lào... Đây là vấn đề đặt ra bức thiết hiện nay, cần phải được giải quyết để xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác giữa hai nước Việt Nam và Lào.

### **Kết luận**

Cùng là cư dân nói tiếng Thái từ miền Nam Trung Quốc thiên di đến trong các thế kỷ IX - XIII, nhưng do không cùng một tộc người, lại thiên di xuống thành nhiều đợt kéo dài, sinh sống trên những địa bàn khác nhau... nên người Lào ở vùng Mường Và, Mường Lạn nói riêng, Tây Bắc Việt Nam nói chung có những sắc thái văn hóa đặc thù không giống với các nhóm Lào khác trong khu vực.

Trong lịch sử cũng như hiện nay, người Lào ở Mường Và, Mường Lạn (huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La) có mối quan hệ mật thiết về các mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa

---

<sup>8</sup> Tài liệu điền dã tại huyện Mộc Châu, huyện Sông Mã, huyện Sốp Cộp, tháng 2 năm 2017.



với các tộc người Lào ở Mường Phồn, Mường Ét, Mường Sơn (tỉnh Hủaphăn), vùng Xiang Dong Xiang Thong (Kinh đô Luôngpharabang của Lào).

Người Lào ở Mường Và, Mường Lạn (huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La) giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, có những đóng góp to lớn vào công cuộc lao động xây dựng đất nước, đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong việc xây dựng đường biên giới Việt Nam - Lào hòa bình, hữu nghị, hợp tác ngày nay.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Nghiêm Đình Vỳ (chủ biên) (1991), *Lịch sử các quốc gia Đông Nam Á (Tập II)* - Phần: Lịch sử nước Lào, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
2. Đặng Nghiêm Vạn, Nghiêm Trúc Bình, Nguyễn Văn Huy, Thanh Thiên (1972), *Những nhóm dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á ở Tây Bắc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Đặng Nghiêm Vạn, Đinh Xuân Lâm (1975), *Điện Biên trong lịch sử*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Lã Văn Lô - Đặng Nghiêm Vạn (1975), *Vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Trần Quốc Vượng (chủ biên), (1998), *Cơ sở Văn hoá Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
6. Phạm Văn Lực (2016), “Hoàng Công Chất với việc xây dựng khối đoàn kết giữa các dân tộc ở Tây Bắc (1751-1969)”, *Tạp chí Khoa học* của Trường Đại học Tây Bắc, Số 7.
7. Chăm Quỳnh, Vương Chung, Lò Bình Minh (1994), “*Giáo trình văn học dân gian Thái*”, Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc ấn hành.